

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: HOÀNG ĐỨC HẠ

2. Ngày tháng năm sinh: 28/06/1978 ; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

X. Phạm Trấn, H. Gia Lộc, T. Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):  
Số nhà 10/2/137, Lán Bè, Lam Sơn, Lê Chân, Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bệnh viện Đa khoa Quốc tế  
Hải Phòng. Số 124, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại di động: 0971888968; E-mail: [hdha@hpmu.edu.vn](mailto:hdha@hpmu.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1997-2003: Học đại học tại Trường Đại học Y dược Hải Phòng

•Kết nạp Đảng ngày 26/3/2003

•Tháng 7/2003: Tốt nghiệp bác sỹ đa khoa hệ chính quy

Từ năm 2004 – 2006: Bác sỹ tại khoa CĐHA - BV Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng.

Từ năm 2006 - 2008: Học viên Cao học khóa 15 chuyên ngành CĐHA – Trường Đại học Y  
khoa Hà Nội.

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN*

•Tháng 10/2008: Tốt nghiệp thạc sỹ CDHA.

Từ năm 2008 - 2010: Bác sỹ thực tập nội trú – FFI tại Cộng hoà Pháp (1 năm tại CHU Marseille; 6 tháng tại Trung tâm bệnh viện Longjumeau; 6 tháng tại CHU Purpan – Toulouse).

•Tháng 10/2009: Chứng chỉ AFS: chứng chỉ chuyên khoa chuyên ngành CDHA – Đại học Aix Marseille II

•Tháng 10/2010: Chứng chỉ AFSA: chứng chỉ chuyên khoa sâu chuyên ngành CDHA – Đại học Paris VI.

Từ năm 2010 – 2011: Trở lại Khoa CDHA – BV Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng

Từ năm 2011 – 2014: Nghiên cứu sinh Tiến sỹ tại Trường Đại học Grenoble – Cộng hoà Pháp

•Tháng 10/2014: Tốt nghiệp Tiến sỹ y khoa, chuyên ngành Công nghệ sinh học, trang thiết bị, tín hiệu và hình ảnh trong sinh học, y tế và môi trường tại Trường Đại học Grenoble – Cộng hoà Pháp

**Luận án:** Nghiên cứu giải phẫu – chức năng bằng chụp cộng hưởng từ về trí nhớ làm việc ở trẻ em điều trị u nguyên bào tuỷ.

Từ năm 2014 – 11/2017: Khoa CDHA – Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng

•Chức vụ: Phó trưởng khoa CDHA

**Từ tháng 12-2017 đến nay:** Giảng viên Bộ môn CDHA – Trường Đại học Y dược Hải Phòng.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Bộ môn CDHA - Trường ĐH Y dược Hải Phòng.

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Y dược Hải Phòng.**

Địa chỉ cơ quan: Số 72A – Nguyễn Bình Khiêm, Q. Ngô Quyền – TP. Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: 02253.731.907.

**\* Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):**

•Đại học Y dược Hải Phòng:

- Năm 2011.

- Từ tháng 11/2014 đến 11/2017 (kể từ tháng 12/2017 đến nay là giảng viên cơ hữu Bộ môn CDHA).

•Đại học Y Hà Nội:

- Từ tháng 12/2016 đến nay: Giảng viên thỉnh giảng Bộ môn CDHA – Trường Đại học Y Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN*

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 9 năm 2003, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa  
Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 3 năm 2009, ngành: Y, chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh  
Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 04 năm 2015, ngành: Y, chuyên ngành: Công nghệ sinh học, trang thiết bị, tín hiệu và hình ảnh trong sinh học, y tế và môi trường.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Grenoble Alpes, Cộng hòa Pháp.

Được Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo Giấy xác nhận số 002896/CNVB-TS ngày 24 tháng 01 năm 2018, công nhận Bằng Tiến sỹ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,  
ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược Hải Phòng.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Cộng hưởng từ chức năng trong các bệnh lý rối loạn tri giác, sa sút trí tuệ.
- Cộng hưởng từ chẩn đoán bệnh lý U não
- Điện quang can thiệp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 03 Thạc sỹ và 2 Bác sỹ chuyên khoa cấp II bảo vệ thành công.
- Đã hoàn thành (số lượng): 04 đề tài NCKH cấp cơ sở
- Đã công bố (số lượng): tổng số bài đã công bố là 77 bài, trong đó công bố được 09 bài báo trên các Tạp chí quốc tế (7 bài là tác giả chính, đồng tác giả chính), 1 bài toàn văn ở Hội thảo quốc tế (Hội nghị Điện quang Châu Âu năm 2014, bài báo có số DOI: 10.1594/ecr2014/B-0356), 1 bài Tóm tắt ở trên Tạp chí Neuro-Oncology (ISSN:1522-8517, eISSN:1523-5866, IF: 10.091), và 66 bài báo trên các Tạp chí uy tín trong nước.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2017 vì Thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác y tế năm 2016.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không .....

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN*  
**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, luôn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước.
- Là một giảng viên có lòng yêu nghề sâu sắc, luôn nhiệt huyết, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục học viên, sinh viên.
- Là một bác sỹ tận tâm, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ quản lý hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững của đơn vị đang công tác.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị.
- Quan hệ đồng nghiệp tốt, luôn giúp đỡ và đào tạo cho các bác sỹ trẻ và các học viên sau đại học đến học tập tại Trường và Bệnh viện.
- Giảng dạy có chất lượng tốt, nhiệt tình, đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ người bệnh.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng và phát triển Bệnh viện trong giai đoạn hiện nay.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số 7 năm (2011-2012 và 2014-2020).
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

| TT             | Năm học     | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-------------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------|
|                |             | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH |                                                         |
| 1              | 2014 – 2015 |                           |     |                                    |                                         | 48                                        | 88  | 136/136/135                                             |
| 2              | 2015 – 2016 |                           |     |                                    |                                         | 80                                        | 92  | 172/172/135                                             |
| 3              | 2016 – 2017 | X                         |     | 2 ThS                              |                                         | 80                                        | 92  | 172/172/135                                             |
| 3 năm học cuối |             |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                         |
| 4              | 2017 – 2018 | X                         |     | 1 ThS                              | 3                                       | 112                                       | 236 | 348/348/270                                             |
| 5              | 2018 – 2019 | X                         |     | 2 BSCKII                           | 3                                       | 112                                       | 236 | 348/348/270                                             |
| 6              | 2019 – 2020 |                           |     |                                    | 2                                       | 112                                       | 248 | 360/360/270                                             |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN  
- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo  
Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

### **3. Ngoại ngữ:**

#### **3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Pháp**

##### **a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒**

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ ☐ hoặc TSKH ; tại nước: Cộng  
hoà Pháp, từ năm 2011 đến 2014.

##### **b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐**

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

##### **c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒**

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : Tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

- Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng
- Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng

##### **d) Đối tượng khác ☒ ;**

Diễn giải: Giảng dạy chuyên môn cho đối tượng sinh viên Pháp thực tập.

- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp: Từ năm 2015 đến năm 2017.
- Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng: Từ năm 2017 đến nay.

Hướng dẫn khoá luận Tốt nghiệp bác sỹ đa khoa bằng Tiếng Pháp.

#### **3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):**

- Chứng chỉ tiếng Anh trình độ C do Trường Đại học sư phạm Hải Phòng cấp.

#### **3.3. Tiếng Pháp (văn bằng, chứng chỉ):**

- Chứng chỉ tiếng Pháp trình độ DELF B2 do Bộ giáo dục quốc gia Pháp cấp.
- Chứng chỉ tiếng Pháp TCF, 490 điểm (Tương đương trình độ DELF B2) do Trung tâm giáo dục Quốc tế thuộc Bộ Giáo dục quốc gia Pháp cấp.

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ 2016 đến 2019 | Cơ sở đào tạo                | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                      |                              |                                                       |
| 1  | Hoàng Xuân Quý                |           | X             | X                     |     | 2016-2017                            | Trường ĐH Y – Dược Hải Phòng | 2017                                                  |
| 2  | Nguyễn Thị Nhật               |           | X             | X                     |     | 2016-2017                            | Trường ĐH Y – Dược Hải Phòng | 2017                                                  |
| 3  | Phạm Văn Tài                  |           | X             | X                     |     | 2017-2018                            | Trường ĐH Y – Dược Hải Phòng | 2018                                                  |
| 4  | Nguyễn Văn Mạnh               |           | X             | X                     |     | 2018-2019                            | Trường ĐH Y – Dược Hải Phòng | 2019                                                  |
| 5  | Nguyễn Thị Bích Hồng          |           | X             | X                     |     | 2018-2019                            | Trường ĐH Y – Dược Hải Phòng | 2019                                                  |

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên**

| TT  | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----|----------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   |          |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| 2   |          |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |
| ... |          |                            |                              |            |          |                                         |                                                            |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

.....

.....

**Lưu ý:**

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                                      | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                                 | CN/PC<br>N/TK | Mã số và<br>cấp quản lý | Thời gian<br>thực hiện | Thời gian<br>nghiệm thu<br>(ngày,<br>tháng,<br>năm)/Xếp<br>loại KQ |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b> |                                                                                                                                                                                |               |                         |                        |                                                                    |
|                                         |                                                                                                                                                                                |               |                         |                        |                                                                    |
| <b>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>   |                                                                                                                                                                                |               |                         |                        |                                                                    |
| 1                                       | Điều trị nút mạch thông động – TM màng cứng vùng sàng bằng Onyx – Báo cáo 3 trường hợp                                                                                         | CN            | Đề tài cấp cơ sở        | 2014 – 2015            | Ngày<br>19/12/2015<br><br>Xếp loại<br>kết quả:<br>Xuất sắc         |
| 2                                       | Vai trò của chuỗi xung Diffusion b3000 trên máy cộng hưởng từ 3 Tesla trong chẩn đoán chứng mất trí nhớ toàn bộ thoáng qua                                                     | CN            | Đề tài cấp cơ sở        | 2014 – 2015            | Ngày<br>19/12/2015<br><br>Xếp loại<br>kết quả:<br>Khá              |
| 3                                       | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán và phân độ chấn thương gan tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng. | CN            | Đề tài cấp cơ sở        | 2017 – 2018            | Ngày<br>18/2/2019<br><br>Xếp loại<br>kết quả:<br>Xuất sắc          |
| 4                                       | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm                                                                                                                                          | CN            | Đề tài cấp              | 2017 – 2018            | Ngày                                                               |

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN*

|   |                                                                                                                                           |    |                                                                 |             |                                                        |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------|
|   | sàng và nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán và phân độ chấn thương lách tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng. |    | cơ sở                                                           |             | 18/2/2019<br>Xếp loại<br>kết quả:<br>Xuất sắc          |
| 5 | Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới kim nhỏ dưới hướng dẫn của siêu âm.                                                                       | CN | Giải ba Hội thi Sáng tạo kỹ thuật thành phố Hải Phòng lần thứ 2 | 2018 – 2019 | Ngày 27 tháng 6 năm 2019<br>Quyết định số 1490/QĐ-UBND |

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT                              | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Năm công bố |
|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|-------------|
| <b>Trước khi bảo vệ Tiến sĩ</b> |                                                                                                                                 |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                |             |
| 1                               | Đặc điểm hình ảnh chụp cắt lớp vi tính, chụp mạch số hóa xóa nền u xơ mạch vòm mũi họng và đánh giá hiệu quả nút mạch tiên phẫu | 4          | *                | Tạp chí Y Học Việt Nam                          |                                                   |                                            | 380, 01, 13-18 | 2011        |
| 2                               | Vai trò của chuỗi xung diffusion B3000 trên máy                                                                                 | 2          | *                | Tạp chí Điện quang Việt Nam                     |                                                   |                                            | 4, 134-137     | 2011        |

|   |                                                                                                                     |   |                  |                                                                                              |                                                   |    |                   |      |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----|-------------------|------|
|   | cộng hưởng từ 3 tesla trong chẩn đoán chứng mất trí nhớ toàn bộ thoáng qua                                          |   |                  |                                                                                              |                                                   |    |                   |      |
| 3 | Nhân 5 trường hợp điều trị u xơ tử cung bằng phương pháp nút mạch                                                   | 3 |                  | Tạp chí Y Học Việt Nam                                                                       |                                                   |    | SĐB, 279-283      | 2011 |
| 4 | Vai trò của chụp lưu thông thực quản – dạ dày – tá tràng trong bất thường quai của ruột.                            | 3 | *                | Tạp chí Y học Việt Nam                                                                       |                                                   |    | 406, SĐB, 86 - 92 | 2013 |
| 5 | Cognitive disorders in pediatric medulloblastoma: what neuroimaging has to offer                                    | 8 | *(Tác giả chính) | Journal of Neurosurgery: Pediatrics<br>Print ISSN: 1933-0707<br>Online ISSN: 1933-0715       | SCIE-IF: 2.17<br>Scopus-Q2<br>Citescore 2019: 3.9 | 22 | 14(2), 136-144    | 2014 |
| 6 | Modality specific activations in working memory in children with cerebellar medulloblastoma: A functional MRI study | 8 | *(Tác giả chính) | Journal of Psychological Abnormalities in Children<br>eISSN: 2329-9525                       |                                                   |    | 3, 1, Open access | 2014 |
| 7 | Children with cerebellar medulloblastoma and working memory disorders: A functional MRI study                       | 6 | *(Tác giả chính) | Abstract in Neuro-Oncology<br>ISSN:1522-8517<br>eISSN:1523-5866                              | SCIE-IF: 10.091<br>Scopus-Q1<br>Citescore: 16.1   |    | 16, 1, 199-104    | 2014 |
| 8 | Modality specific activations in working memory in children treated for cerebellar medulloblastoma: an fMRI study   | 7 | *(Tác giả chính) | Scientific Paper Presented in European Congress of Radiology (ECR 2014)<br>DOI: 10.1594/ecr2 |                                                   |    | B-03561-12        | 2014 |

**Sau khi bảo vệ Tiến sĩ**

|   |                                                                                                                                                    |   |   |                             |  |  |                     |      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------|--|--|---------------------|------|
| 1 | Nghiên cứu giải phẫu chức năng của tiểu não trong trí nhớ làm việc ở trẻ em sau điều trị u nguyên bào tủy                                          | 3 | * | Tạp chí Điện quang Việt Nam |  |  | 21, 8, 30-37        | 2015 |
| 2 | Nhận xét đặc điểm lâm sàng và hình ảnh siêu âm Doppler trong tổn thương động mạch lớn kết hợp gãy xương, sai khớp chi dưới                         | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam      |  |  | 436, SDB, 21-25     | 2015 |
| 3 | Đặc điểm hình ảnh ruột xoay bất toàn trên chụp cắt lớp vi tính đa dãy: nhân 3 trường hợp được phát hiện tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng | 4 | * | Tạp chí Y Học Việt Nam      |  |  | 436, SDB, 430-434   | 2015 |
| 4 | Đặc điểm hình ảnh của bệnh lý tắc ruột trên chụp cắt lớp vi tính đa dãy                                                                            | 3 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam      |  |  | 436, SDB, 435 - 441 | 2015 |
| 5 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh và kết quả phẫu thuật của bệnh viêm túi thừa manh tràng                                                     | 7 |   | Tạp chí Y học Việt Nam      |  |  | 436, SDB, 5 - 10    | 2015 |
| 6 | Hình ảnh cộng hưởng từ và những rối loạn tri giác ở trẻ em sau phẫu thuật khối u nguyên bào tủy ở tiểu não                                         | 2 | * | Tạp chí Điện quang Việt Nam |  |  | 25, 8, 39-45        | 2016 |
| 7 | Mô tả đặc điểm lâm sàng và sinh hoá ở bệnh nhân viêm tụy cấp trong 72 giờ đầu tại BV Hữu nghị                                                      | 3 | * | Tạp chí Y học Việt Nam      |  |  | 460, SDB 111-116    | 2017 |

|    | Việt Tiếp                                                                                                                     |   |   |                        |  |  |                   |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------|--|--|-------------------|------|
| 8  | Đánh giá nguyên nhân vi sinh vật gây bệnh và kết quả điều trị viêm phổi cộng đồng ở người nghiện rượu tại Hải Phòng           | 3 | * | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 100-105 | 2017 |
| 9  | Nghiên cứu đặc điểm LS và CLS của bệnh viêm phổi cộng đồng ở người nghiện rượu tại BV Kiến An Hải Phòng                       | 3 | * | Tạp chí Y học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 106-111 | 2017 |
| 10 | Nghiên cứu hình ảnh nội soi, mô bệnh học và nhiễm khuẩn helicobacter pylori của viêm dạ dày mạn tính ở người lớn tuổi         | 2 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 194-198 | 2017 |
| 11 | Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm helicobacter pylori ở bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản                                            | 2 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 203-207 | 2017 |
| 12 | Tỷ lệ ung thư biểu mô tuyến trong các polyp tuyến đại trực tràng tại BV Hữu nghị Hữu nghị Việt Tiếp trong 10 năm từ 2007-2017 | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 199-203 | 2017 |
| 13 | Nghiên cứu mối liên quan giữa CLVT và hoạt độ amylase, triglyceride ở bệnh nhân viêm tụy cấp tại BV Hữu nghị Việt Tiếp HP.    | 2 | * | Tạp chí Y học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 638-643 | 2017 |
| 14 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng                                                                                                  | 2 |   | Tạp chí Y học Việt     |  |  | 460, SDB,         | 2017 |

|    |                                                                                                                                                          |   |   |                        |  |  |                   |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------|--|--|-------------------|------|
|    | bệnh nhân mắc hội chứng ruột kích thích thể lỏng kéo dài trên 3 năm tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp                                                     |   |   | Nam                    |  |  | 185-189           |      |
| 15 | Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi bệnh viêm loét đại trực tràng chảy máu tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp trong 5 năm từ 2012 - 2017 | 2 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 189-193 | 2017 |
| 16 | Kết quả điều trị bệnh trĩ nội chảy máu bằng phương pháp tiêm xơ búi trĩ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp                                                 | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 180-184 | 2017 |
| 17 | Đặc điểm hình ảnh nội soi và mô bệnh học bệnh dạ dày do tăng áp lực tĩnh mạch cửa do xơ gan                                                              | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 172-176 | 2017 |
| 18 | Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh của bệnh lý viêm tụy cấp trên siêu âm và CLVT tại BV Hữu nghị Việt Tiệp HP                                                  | 4 | * | Tạp chí Y học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 623-629 | 2017 |
| 19 | Nghiên cứu hình ảnh nội soi và mô bệnh học của u nhú thực quản tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 8 năm 2017                 | 2 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 460, SDB, 708-711 | 2017 |
| 20 | Đánh giá kết quả lấy huyết khối cơ học do tắc động mạch cấp bằng                                                                                         | 5 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 470, 1, 53-56     | 2018 |

|    |                                                                                                                                               |   |   |                        |  |  |                   |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------|--|--|-------------------|------|
|    | dụng cụ hút huyết khối                                                                                                                        |   |   |                        |  |  |                   |      |
| 21 | Kết quả bước đầu của phương pháp tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị nang lạnh tính tuyến giáp                       | 3 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 475, 1&2 24-27    | 2019 |
| 22 | Vai trò của cộng hưởng từ trong theo dõi kết quả điều trị ung thư biểu mô tế bào gan bằng phương pháp đốt sóng cao tần                        | 3 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 474, 2, 5-7       | 2019 |
| 23 | Nghiên cứu tình trạng nhiễm helicobacter pylori với một số đặc điểm tổn thương hình ảnh nội soi và mô bệnh học ở bệnh viêm dạ dày xuất huyết. | 5 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 483, SDB, 369-376 | 2019 |
| 24 | Đánh giá vai trò của chụp cộng hưởng từ trong chẩn đoán ung thư phổi                                                                          | 3 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 474, 2, 23-26     | 2019 |
| 25 | Đặc điểm lâm sàng và cắt lớp vi tính độ phân giải cao của bệnh lý giãn phế quản tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp                              | 2 | * | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 483, SDB, 376-381 | 2019 |
| 26 | Kết quả xác định mức độ xơ hoá gan bằng kỹ thuật Fibroscan ở bệnh nhân viêm gan virus B mạn tính tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.            | 5 |   | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 483, SDB, 521-526 | 2019 |
| 27 | Đánh giá hiệu quả bước đầu của                                                                                                                | 3 | * | Tạp chí Y Học Việt     |  |  | 484, SDB,         | 2019 |

|    |                                                                                                                                                          |    |                                |                                                                                    |                                                          |   |                             |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---|-----------------------------|------|
|    | phương pháp tiêm<br>thâm phân rã thần<br>kinh dưới hướng<br>dẫn của cắt lớp vi<br>tính trong điều trị<br>đau rã thần kinh<br>thắt lưng.                  |    |                                | Nam                                                                                |                                                          |   | 187-<br>191                 |      |
| 28 | Mô tả một số yếu<br>tố nguy cơ ở bệnh<br>nhân loãng xương<br>được chẩn đoán<br>bằng phương<br>pháp DEXA tại<br>Bệnh viện Đa<br>khoa quốc tế Hải<br>Phòng | 3  |                                | Tạp chí Y<br>Học Việt<br>Nam                                                       |                                                          |   | 484,<br>SĐB,<br>192-<br>197 | 2019 |
| 29 | Role of<br>ultrasound<br>elastography in<br>assessment of<br>interminate<br>thyroid nodules                                                              | 3  |                                | Tạp chí Điện<br>Quang Việt<br>Nam (số<br>tiếng Anh)                                |                                                          |   | 1,<br>3-9                   | 2019 |
| 30 | Anatomo-<br>functional study<br>of the cerebellum<br>in working<br>memory in<br>children treated<br>for<br>medulloblastoma                               | 13 | *<br>(Tác<br>giả<br>chính<br>) | Journal of<br>Neuroradiolo<br>gy<br>ISSN:0150-<br>9861<br>E-<br>ISSN:1773-<br>0406 | SCIE-<br>2.467<br>Scopus<br>-Q2<br>Citesc<br>ore:<br>3.5 | 1 | 46(3)<br>,<br>207-<br>213   | 2019 |
| 31 | Nhận xét đặc<br>điểm lâm sàng và<br>mối liên quan<br>giữa lâm sàng và<br>X-quang trong<br>bệnh lý thoái hóa<br>khớp gối tại Bệnh<br>viện Việt Tiệp.      | 2  |                                | Tạp chí Y<br>Học Việt<br>Nam                                                       |                                                          |   | 488,<br>1,<br>238-<br>241   | 2020 |
| 32 | Một số yếu tố liên<br>quan đến kiến<br>thức, thực hành<br>vệ sinh bàn tay<br>của nhân viên y tế<br>Bệnh viện Đa<br>khoa Ngô Quyền<br>năm 2019.           | 2  |                                | Tạp chí Y<br>Học Việt<br>Nam                                                       |                                                          |   | 488,<br>1,<br>226-<br>229   | 2020 |
| 33 | From First<br>COVID-19 Case<br>to Current                                                                                                                | 6  | *<br>(Đồn<br>g tác             | Electronic<br>Journal of<br>General                                                | ESCI<br>Scopus<br>-Q3                                    | 5 | 17(4)<br>,em2<br>08         | 2020 |

|    |                                                                                                                                                |   |                   |                                      |                       |  |                           |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------|--------------------------------------|-----------------------|--|---------------------------|------|
|    | Outbreak: A Vietnamese Report                                                                                                                  |   | giả<br>chính<br>) | Medicine<br>E-<br>ISSN:2516-<br>3507 | Citesc<br>ore:<br>1.4 |  |                           |      |
| 34 | Thực trạng về kiến thức, thực hành của nhân viên y tế về quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019                    | 2 | *                 | Tạp chí Y học Việt Nam               |                       |  | 488,<br>1,<br>252-<br>256 | 2020 |
| 35 | Một số yếu tố liên quan đến về kiến thức, thực hành quản lý chất thải rắn y tế của cán bộ y tế tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng năm 2019         | 2 | *                 | Tạp chí Y học Việt Nam               |                       |  | 488,<br>2,<br>53-56       | 2020 |
| 36 | Thực trạng kiến thức, thực hành của nhân viên y tế về vệ sinh bàn tay tại Bệnh viện Đa khoa Ngô Quyền năm 2019                                 | 2 | *                 | Tạp chí Y học Việt Nam               |                       |  | 488,<br>2,<br>86-90       | 2020 |
| 37 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và một số nguyên nhân co giật do sốt đơn thuần tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                      | 4 |                   | Tạp chí Y học Việt Nam               |                       |  | 488,<br>2,<br>174-<br>177 | 2020 |
| 38 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, điện não đồ và cộng hưởng từ sọ não của 86 trường hợp động kinh cơn lớn ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng | 3 |                   | Tạp chí Y học Việt Nam               |                       |  | 488,<br>2,<br>208-<br>211 | 2020 |
| 39 | Nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán chấn thương lách tại Bệnh viện Hữu nghị Việt                                         | 3 | *                 | Tạp chí Y học Việt Nam               |                       |  | 489,<br>1,<br>50-53       | 2020 |

|    |                                                                                                                                                        |   |                      |                                                                                               |                                         |  |                 |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--|-----------------|------|
|    | Tiếp Hải Phòng                                                                                                                                         |   |                      |                                                                                               |                                         |  |                 |      |
| 40 | Một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi tại 2 xã huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương năm 2018                              | 3 | *                    | Tạp chí Y học Việt Nam                                                                        |                                         |  | 489, 1, 107-110 | 2020 |
| 41 | Nhận xét vai trò của chụp cắt lớp vi tính trong chẩn đoán và phân độ chấn thương gan                                                                   | 3 | *                    | Tạp chí Y học Việt Nam                                                                        |                                         |  | 489, 1, 162-165 | 2020 |
| 42 | A Case Series of Ethmoidal Dural Arteriovenous Fistulas Treated by Endovascular Embolization with Onyx                                                 | 4 | *<br>(Tác giả chính) | Medical Archive<br>(Medicinski arhiv)<br>ISSN: 0350-199X (Print),<br>ISSN: 1986-5961 (Online) | Scopus<br>-Q3<br>CiteScore: 1.3         |  | 74, 2, 139-141  | 2020 |
| 43 | Comparing the Efficacy of Radiofrequency Ablation Versus Laser Ablation for Chronic Venous Insufficiency in the Lower Extremities: a Vietnamese Report | 6 |                      | Medical Archive<br>(Medicinski arhiv)<br>ISSN: 0350-199X (Print),<br>ISSN: 1986-5961 (Online) | Scopus<br>-Q3<br>CiteScore: 1.3         |  | 74(2), 100-104  | 2020 |
| 44 | The Current Update of Vaccines for SARS-CoV-2                                                                                                          | 3 | *<br>(Tác giả chính) | Electronic Journal of General Medicine E-ISSN:2516-3507                                       | ESCI<br>Scopus<br>-Q3<br>CiteScore: 1.4 |  | 17(5), em248    | 2020 |
| 45 | The Role of Computed Tomography in the Assessment of                                                                                                   | 6 | *<br>(Đồng tác giả)  | Electronic Journal of General Medicine                                                        | ESCI<br>Scopus<br>-Q3<br>CiteScore      |  | 17(5), em242    | 2020 |

|    |                                                                                                                                                  |   |         |                        |          |  |                 |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------|------------------------|----------|--|-----------------|------|
|    | Blunt Bowel and Mesenteric Injuries                                                                                                              |   | chính ) | E- ISSN:2516-3507      | ore: 1.4 |  |                 |      |
| 46 | Nhận xét đặc điểm hình ảnh chụp cắt lớp vi tính trong hội chứng Fitz – Hugh – Curtis tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng                     | 2 | *       | Tạp chí Y học Việt Nam |          |  | 489, 2, 128-131 | 2020 |
| 47 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của suy hô hấp do bệnh màng trong tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2017 - 2018                                    | 4 | *       | Tạp chí Y học Việt Nam |          |  | 489, 2, 173-176 | 2020 |
| 48 | Nhận xét đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng của viêm phổi mắc phải cộng đồng ở trẻ em tại Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí năm 2019 | 3 |         | Tạp chí Y học Việt Nam |          |  | 489, 2, 208-212 | 2020 |
| 49 | Hiệu quả điều trị vàng da tăng bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh bằng liệu pháp ánh sáng đèn led tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2018                | 4 | *       | Tạp chí Y học Việt Nam |          |  | 489, 2, 247-250 | 2020 |
| 50 | Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng và một số yếu tố liên quan tới độ nặng của viêm tiểu phế quản cấp ở trẻ em                                         | 4 |         | Tạp chí Y học Việt Nam |          |  | 490, 1, 67-70   | 2020 |
| 51 | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh lý vàng da trẻ sơ sinh tại Bệnh viện                                                                    | 4 | *       | Tạp chí Y học Việt Nam |          |  | 490, 1, 92-95   | 2020 |

|    |                                                                                                                                                   |   |   |                         |  |  |                  |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------|--|--|------------------|------|
|    | Nhi Thái Bình năm 2018                                                                                                                            |   |   |                         |  |  |                  |      |
| 52 | Kết quả điều trị bệnh màng trong bằng surfactant qua kỹ thuật INSURE tại Bệnh viện Nhi Thái Bình năm 2017 – 2018                                  | 4 | * | Tạp chí Y học Việt Nam  |  |  | 490, 1, 123-127  | 2020 |
| 53 | Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cộng hưởng từ 1.5T ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm đoạn thắt lưng được tiêm thâm phân lỗ liên hợp dưới cắt lớp vi tính | 3 | * | Tạp chí Y học Việt Nam  |  |  | 490, 1, 174-177  | 2020 |
| 54 | Một số yếu tố liên quan đến thừa cân béo phì ở học sinh trường tiểu học Lý Tự Trọng, thành phố Hải Dương năm 2018                                 | 3 | * | Tạp chí Y học Thực hành |  |  | 1130, 4, 70-72   | 2020 |
| 55 | Tỷ lệ thừa cân béo phì của học sinh trường tiểu học Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên năm 2018                                            | 4 | * | Tạp chí Y học Thực hành |  |  | 1131, 4, 144-147 | 2020 |
| 56 | Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi tại 2 xã huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương năm 2018                                                          | 3 | * | Tạp chí Y học Thực hành |  |  | 1131, 4, 64-66   | 2020 |
| 57 | Nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ và hình ảnh nội soi bệnh viêm dạ dày xuất huyết                                                                  | 3 |   | Tạp chí Y học Thực hành |  |  | 1132, 5, 53-56   | 2020 |
| 58 | Tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường typ 2 được quản lý tại phòng khám Bệnh viện Đa                                                                     | 3 | * | Tạp chí Y học Thực hành |  |  | 1132, 5, 56-58   | 2020 |

|    |                                                                                                                            |   |   |                         |  |  |                  |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------|--|--|------------------|------|
|    | khoa tỉnh Hưng Yên năm 2018                                                                                                |   |   |                         |  |  |                  |      |
| 59 | Tình trạng nhiễm Helicobacter Pylori ở bệnh nhân viêm dạ dày mạn tính thể trội lỗi và không trội lỗi                       | 3 |   | Tạp chí Y học Thực hành |  |  | 1133, 5, 32-34   | 2020 |
| 60 | Kết quả can thiệp thử nghiệm một số biện pháp dạy – học lâm sàng với sinh viên y khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng      | 4 |   | Tạp chí Y học Việt Nam  |  |  | 490, 2, 100-105  | 2020 |
| 61 | Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của hen phế quản ở trẻ em tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng                                 | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam  |  |  | 490, 2, 129-133  | 2020 |
| 62 | Khảo sát một số đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cộng hưởng từ trên 58 bệnh nhân lạc nội mạc tử cung                          | 2 |   | Tạp chí Y học Việt Nam  |  |  | 490, 2, 158-162  | 2020 |
| 63 | Tình hình ngộ độc cấp ở trẻ em tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng trong 5 năm từ 2013 đến 2017                                 | 3 |   | Tạp chí Y học Việt Nam  |  |  | 490, 2, 214-217  | 2020 |
| 64 | Một số yếu tố liên quan đến kiểm soát bệnh đái tháo đường typ 2 tại khoa khám bệnh của Bệnh viện đa khoa Hưng Yên năm 2018 | 2 | * | Tạp chí Y học Dự phòng  |  |  | 30, 2, 72 - 77   | 2020 |
| 65 | Một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi tại phòng khám Bệnh viện                        | 4 | * | Tạp chí Y học Dự phòng  |  |  | 30, 2, 136 - 141 | 2020 |

|    |                                                                                                                        |   |   |                                               |                                              |  |                                              |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|--|----------------------------------------------|------|
|    | trẻ em Hải Phòng năm 2018                                                                                              |   |   |                                               |                                              |  |                                              |      |
| 66 | Một số yếu tố liên quan đến thừa cân béo phì của học sinh tiểu học Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên năm 2018             | 5 |   | Tạp chí Y học Dự phòng                        |                                              |  | 30, 2, 66 – 71                               | 2020 |
| 67 | Đặc điểm lâm sàng và huyết học ở bệnh nhân nhiễm viêm gan vi rút B mạn tính tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng | 4 | * | Tạp chí Y học Dự phòng                        |                                              |  | 30, 2, 129 – 135                             | 2020 |
| 68 | Nhận xét đặc điểm hình ảnh trên chụp cắt lớp vi tính trong bệnh lý viêm tai giữa mạn tính                              | 3 |   | Tạp chí Y Dược lâm sàng 108                   |                                              |  | 15, 4, 137-142                               | 2020 |
| 69 | Vietnamese Case Series of Hirayama Disease                                                                             | 6 |   | In Vivo<br>ISSN:0258-851XE-<br>ISSN:1791-7549 | SCIE-IF: 1.609<br>Scopus Q3<br>Citesc ore: 2 |  | 34(4), 2153-2157, DOI: 10.21873/invivo.12022 | 2020 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05 bài báo .....

**Lưu ý:** Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1  |                                                |                 |                    |                             |            |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
| 2   |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

| TT  | Tên giải thưởng | Cơ quan/tổ chức ra quyết định | Số quyết định và ngày, tháng, năm | Số tác giả |
|-----|-----------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------|
| 1   |                 |                               |                                   |            |
| 2   |                 |                               |                                   |            |
| ... |                 |                               |                                   |            |

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

.....

### 7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|-------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------|------------|
| 1   |                                     |                           |                                          |                      |            |
| 2   |                                     |                           |                                          |                      |            |
| ... |                                     |                           |                                          |                      |            |

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: .....

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN*  
+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2020*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Hoàng Đức Hạ**